

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04 -8-2021
V/v tranh chấp về Ly hôn, nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Nga.
2. Bà Hồ Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 19/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Mỹ L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số nhà 15, đường K, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 15, đường K, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Bà Nguyễn Thị Sương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Hiếu Tr, sinh ngày 17/3/2013, có mặt.

Ông Đặng Bá Quát - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích cho cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/3/2013, có mặt.

Người làm chứng: Ông Cao Việt H, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số nhà 15, đường K, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ L trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ L với anh Nguyễn Hoài N kết hôn vào ngày 30 tháng 12 năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với gia đình anh Nguyễn Hoài N ở xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ do điều kiện kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng cùng hai người con chuyển vào sống với ba mẹ của chị tại Số nhà 15, đường K, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế từ tháng 6 năm 2014. Đến tháng 10 năm 2015 do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh Nguyễn Hoài N đã bỏ đi khỏi huyện Nam Đông để lại 02 người con cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng mà không báo cho chị, gia đình cũng như chính quyền địa phương được biết đi đâu và làm gì. Sau khi anh Nam bỏ đi chị L đã tìm mọi cách để liên lạc nhưng không có tin tức gì về anh N, nên chị đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Hoài N mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 01/2021/QĐST-DS, ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông đã tuyên bố anh Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 15, đường K, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế mất tích. Nay chị L xác định tình cảm chị dành cho anh N không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N.

Về con chung: Chị Cao Thị Mỹ L với anh Nguyễn Hoài N có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Hiếu Tr, đều sinh ngày 17/3/2013. Hiện tại các cháu đang ở cùng với chị Cao Thị Mỹ L và ông bà ngoại tại Số nhà 15, đường K, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn Hoài N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Nguyễn Hoài N đã bị Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐST-DS, ngày 05/5/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết các thông báo của Tòa án hợp lệ nhưng không nhận được thông tin phản hồi nào của anh N. Tại công văn số 21/CV-UBND, ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ và biên bản xác*

minh ngày 30/6/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đã thể hiện: Từ thời điểm Tòa án tuyên bố anh N mất tích đến nay, anh N không có mặt tại địa phương và địa phương cũng không nắm được tin tức gì về anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Hiếu Tr, đều sinh ngày 17/3/2013 là con chung của chị Cao Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoài N, các cháu đều trình bày hiện đang sống với mẹ và ông bà ngoại, không biết cha của các cháu đang ở đâu, mẹ là người đang chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

** Bà Nguyễn Thị Sương và ông Đặng Bá Quát - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Nguyễn Hiếu Tr và Nguyễn Trung H trình bày:*

Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Nguyễn Hiếu Tr và Nguyễn Trung H có gặp gỡ để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các cháu, theo nguyện vọng của hai cháu Tr và H là mong muốn được ở với mẹ cháu. Ngoài ra, anh Nguyễn Hoài N bỏ đi để lại 02 người con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không có sự quan tâm và tiền chu cấp của anh N nhưng chị L vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng 02 người con một cách tốt nhất. Từ những căn cứ đó, chứng minh việc giao cháu Nguyễn Hiếu Tr và Nguyễn Trung H cho chị L nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được mọi mặt phát triển của các cháu. Do đó, Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Nguyễn Hiếu Tr và Nguyễn Trung H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng đó là tự nguyện của chị L nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 5; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 25; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 14, Điều 3; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Cao Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Hoài N.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Hiếu Tr cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoài N, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 15, đường K, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Hoài N: Anh N đã bỏ nhà đi từ tháng 10 năm 2015, không có mặt tại địa phương và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐST-DS ngày 05/5/2021. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các thông báo tại nơi cư trú cuối cùng và tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh N nhưng đến nay không có tin tức gì nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, ngày 19/7/2021 anh N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 04/8/2021 nhưng anh N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoài N tự nguyện kết hôn vào ngày 30 tháng 12 năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân của chị L và anh N là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10 năm 2015 anh N tự ý bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 01/2021/QĐST-DS, ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên bố anh Nguyễn Hoài N mất tích. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N đã không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Hoài N là phù hợp với khoản 2 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoài N có 02 người con là cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Hiếu Tr, đều sinh ngày 17/3/2013. Hội đồng xét xử xét thấy, anh N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nguyện vọng của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con là phù hợp với thực tế và phù hợp với nguyện vọng của các cháu được ở với mẹ; ông ngoại của các cháu là ông Cao Việt H cũng cam đoan sẽ hỗ trợ cho chị L về vật chất để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu được tốt nhất. Việc giao hai người con chung là Nguyễn Trung H và Nguyễn Hiếu Tr cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận; về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ L. Chị Cao Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Hoài N.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Hiếu Tr, đều sinh ngày 17 tháng 3 năm 2013 cho chị Cao Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/008312 ngày 24/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hồ Minh Thước